TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 327/2024/HNGĐ-ST
Ngày 16/12/2024
"V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Lâm Hạnh Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Triệu Thị Yên.

2. Ông Lý Văn Tòng.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Hứa Thị Hanh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa tham gia phiên tòa**:* Ông Đàm Như Hiển, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 273/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc: Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn TC, xã TA, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

* *Bị đơn:* Ông Lưu Duy C, sinh năm 1972; Nơi thường trú: Xóm NG, xã NT, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên; Tạm trú: Thôn TC, xã TA, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

(Các đương sự đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/10/2024, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hoàng Thị H trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà Hoàng Thị H và ông Lưu Duy C được tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn

theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới bà H và ông C chung sống tại thôn TC, xã TA, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu cuộc sống hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bà H cho rằng do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế, đến năm 2018 con trai chung giữa bà H và ông C bị tai nạn chết, từ đó mâu thuẫn rất căng thẳng dẫn đến tình cảm giữa bà H và ông C bị rạn nứt, cuộc sống chung không hạnh phúc, cũng trong năm 2018 bà H và ông C đã sống ly thân đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Khi mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vẫn không thể khắc phục được. Bà H xét thấy tình cảm giữa bà H và ông C không còn, bà H và ông C không đăng ký kết hôn nên bà H yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa bà H và ông Lưu Duy C là vợ chồng theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Quá trình chung sống giữa bà Hoàng Thị H và ông Lưu Duy C có 01 chung tên là Hoàng Văn T, sinh năm 1994, cháu T đã chết năm 2018 nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản ghi lời khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lưu Duy C trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông Lưu Duy C và bà Hoàng Thị H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Sau ngày cưới ông C và bà H chung sống tại thôn TC, xã TA, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ông C cho rằng do con trai bị tai nạn chết từ đó ông C bà H xảy ra cãi vã dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc, cuộc sống chung hết sức căng thẳng, cũng trong năm 2018 mâu thuẫn trầm trọng ông C và bà H đã sống ly thân đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Thời điểm mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vẫn không thể khắc phục được. Bà H yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông C và bà H, ông C không nhất trí vì ông C xác định vẫn còn tình cảm với bà H, ông C mong muốn bà H cho ông C cơ hội để sửa chữa lỗi lầm để cả hai tiếp tục chung sống cùng nhau.

- Về con chung: Quá trình chung sống ông Lưu Duy C và bà Hoàng Thị H có 01 chung tên là Hoàng Văn T, sinh năm 1994, cháu T đã chết năm 2018 nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông C xác định có tài sản chung nhưng do ông C không nhất trí với yêu cầu của bà H đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng nên ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, các đương sự đều giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết tại Tòa án, không có thay đổi hay bổ sung gì thêm.

Tại biên bản xác minh ngày 18/11/2024 tại Ủy ban nhân dân xã TA, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, đại diện Ủy ban nhân dân xã TA cung cấp: Qua rà soát sổ đăng ký kết hôn lưu tại Ủy ban nhân dân xã TA, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang từ năm 1992 đến nay không có trường hợp nào tên vợ là Hoàng Thị H, sinh năm 1971, tên chồng là Lưu Duy C, sinh năm 1972 làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 28, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Hoàng Thị H: Xác định quan hệ giữa bà Hoàng Thị H và ông Lưu Duy C không có giá trị về pháp lý và không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Về con chung: Có 01 con là cháu Hoàng Văn T, sinh năm 1994. Cháu T bị tai nạn đã chết năm 2018 nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét, giải quyết. Về án phí và quyền kháng cáo: Bà Hoàng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Hoàng Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa bà H và ông Lưu Duy C là vợ chồng do bà H và ông C chung sống mà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc không công nhận quan hệ vợ chồng do nam nữ chung sống mà không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Lưu Duy C đăng ký tạm trú tại thôn TC, xã TA, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ; tống đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật; tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn bà Hoàng Thị H và bị đơn ông Lưu Duy C đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Hoàng Thị H và ông Lưu Duy C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương nhưng không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là trái với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã xác minh tại Ủy ban nhân dân xã TA, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, đại diện Ủy ban nhân dân xã TA cung cấp: Qua rà soát sổ đăng ký kết hôn lưu tại Ủy ban nhân dân xã TA, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang từ năm 1992 đến nay không có trường hợp nào tên vợ là Hoàng Thị H, sinh năm 1971, tên chồng là Lưu Duy C, sinh năm 1972 làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Mối quan hệ giữa bà H và ông C không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Bà H yêu cầu được chấm dứt mối quan hệ giữa bà và ông Lưu Duy C, Hội đồng xét xử cần căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của bà Hoàng Thị H, không công nhận quan hệ giữa bà Hoàng Thị H và ông Lưu Duy C là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống bà H và ông C có 01 con là cháu Hoàng Văn T, sinh năm 1994. Cháu T bị tai nạn đã chết năm 2018 do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Hoàng Thị H và ông Lưu Duy C không yêu cầu giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà Hoàng Thị H và ông Lưu Duy C đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Hoàng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật. Ông Lưu Duy C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Hoàng Thị H; không công nhận quan hệ giữa bà Hoàng Thị H và ông Lưu Duy C là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Hoàng Thị H phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000002011579, ngày 15/10/2024 của Công ty cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000660, ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang nay được chuyển thành tiền án phí. Bà H đã nộp đủ tiền án phí.

Ông Lưu Duy C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã TA;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu HS+Lưu án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lâm Hạnh Quỳnh